BẢN TIN

VCCI

LIÊN ĐOÀN THƯƠNG MẠI VÀ
CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Hội nhập Kinh tế quốc tế

THÁNG 10/2026



Phòng WTO và Hội nhập, Ban Pháp chế - VCCI



MỤC LỤC

TIN VIỆT NAM

Thương mại và đầu tư quốc tế trong 10 tháng đầu năm 2026: Kim ngạch xuất nhập khẩu vượt mốc 1.000 tỷ USD 2

Chính thức ký kết Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - EFTA 6

IMF: Việt Nam dẫn đầu ASEAN về tăng trưởng năm 2026 8

Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm công bố Bản đồ ranh giới rừng năm 2020 phiên bản 1.0 phục vụ tuân thủ EUDR 9

Xuất khẩu cà phê 10 tháng đầu năm 2026: tăng lượng nhưng giảm giá trị 11

Chính thức áp dụng Nghị định 342/2026/NĐ-CP về hoạt động mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài 13

Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm thăm chính thức EU và Bỉ; Hạ viện Bỉ bỏ phiếu thông qua EVIPA 15

Chùm tin về các vụ việc Phòng vệ thương mại liên quan tới hàng hóa xuất nhập khẩu của Việt Nam trong tháng 10/2026 17

TIN QUỐC TẾ

Trung Quốc sửa đổi quy định đăng ký nhà xuất khẩu, nhập khẩu thực phẩm 21

FTA Ấn Độ - New Zealand chính thức có hiệu lực 23

UNCTAD công bố Báo cáo Thương mại và Phát triển 2026 24

Hoa Kỳ kết luận điều tra Mục 232 đối với tua bin điện gió nhập khẩu 26



TIN VIỆT NAM

Thương mại và đầu tư quốc tế trong 10 tháng đầu năm 2026: Kim ngạch xuất nhập khẩu vượt mốc 1.000 tỷ USD

Trong 10 tháng đầu năm 2026, hoạt động thương mại và đầu tư của Việt Nam tiếp tục ghi nhận những kết quả nổi bật, với tổng kim ngạch xuất nhập khẩu lần đầu tiên vượt mốc 1.000 tỷ USD và vốn FDI đăng ký tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước. Những kết quả này cho thấy sức hút cũng như vai trò ngày càng lớn của nền kinh tế Việt Nam trong mạng lưới sản xuất và thương mại toàn cầu.

Bức tranh xuất nhập khẩu

Theo số liệu từ Cục Thống kê (Bộ Tài chính), tính chung 10 tháng đầu năm 2026, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam sơ bộ đạt 1.010,55 tỷ USD, tăng 32,3% so với cùng kỳ năm trước. Đây là lần đầu tiên kim ngạch thương mại hàng hóa hai chiều của Việt Nam vượt mốc 1.000 tỷ USD, trong khi cùng kỳ năm 2025 mới đạt 763,72 tỷ USD. Kết quả này tiếp tục cho thấy quy mô và mức độ hội nhập ngày càng sâu rộng của nền kinh tế Việt Nam vào thương mại quốc tế. Hiện Việt Nam đã ký kết và thực thi 17 hiệp định thương mại tự do (FTA) với khoảng 70 quốc gia, vùng lãnh thổ trên thế giới, tạo thêm khuôn khổ thuận lợi cho hoạt động thương mại và mở rộng thị trường xuất nhập khẩu.



Một điểm đáng chú ý trong diễn biến thương mại 10 tháng đầu năm là sự thay đổi trạng thái của cán cân thương mại. Trong suốt 8 tháng đầu năm 2026, Việt Nam liên tục ghi nhận nhập siêu do tốc độ tăng trưởng nhập khẩu cao hơn đáng kể so với xuất khẩu. Tuy nhiên, cán cân thương mại đã chuyển sang trạng thái xuất siêu trong hai tháng gần đây. Riêng tháng 10/2026, kim ngạch xuất khẩu đạt 64,67 tỷ USD, tăng 8,7% so với tháng trước, trong khi nhập khẩu đạt 57,36 tỷ USD, giảm nhẹ 1,4%, góp phần đưa cán cân thương mại chuyển biến tích cực với mức xuất siêu 7,31 tỷ USD. Trước đó, tháng 9/2026 cũng ghi nhận xuất siêu 1,30 tỷ USD. Tính chung 10 tháng, mức nhập siêu được thu hẹp xuống còn 12,07 tỷ USD, mở ra khả năng đưa cán cân thương mại cả năm 2026 quay lại trạng thái cân bằng hoặc xuất siêu nhẹ nếu nhịp độ thặng dư được duy trì trong các tháng cuối năm.

Xét theo khu vực kinh tế, hoạt động thương mại tiếp tục phụ thuộc đáng kể vào khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (FDI). Trong 10 tháng đầu năm 2026, khu vực FDI (kể cả dầu thô) đạt tổng kim ngạch xuất nhập khẩu 784,86 tỷ USD, tăng 37% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 77,7% tổng kim ngạch thương mại cả nước. Trong đó, xuất khẩu đạt 405,31 tỷ USD, nhập khẩu đạt 379,55 tỷ USD, qua đó ghi nhận mức xuất siêu 25,76 tỷ USD. Ngược lại, khu vực kinh tế trong nước đạt tổng kim ngạch xuất nhập khẩu 225,69 tỷ USD, với xuất khẩu đạt 93,93 tỷ USD và nhập khẩu đạt 131,76 tỷ USD, tương ứng mức nhập siêu 37,83 tỷ USD. Sự tương phản này cho thấy vai trò nổi bật của khu vực FDI trong việc tạo ra thặng dư thương mại, đồng thời cũng phản ánh hạn chế về năng lực xuất khẩu của khu vực doanh nghiệp trong nước.

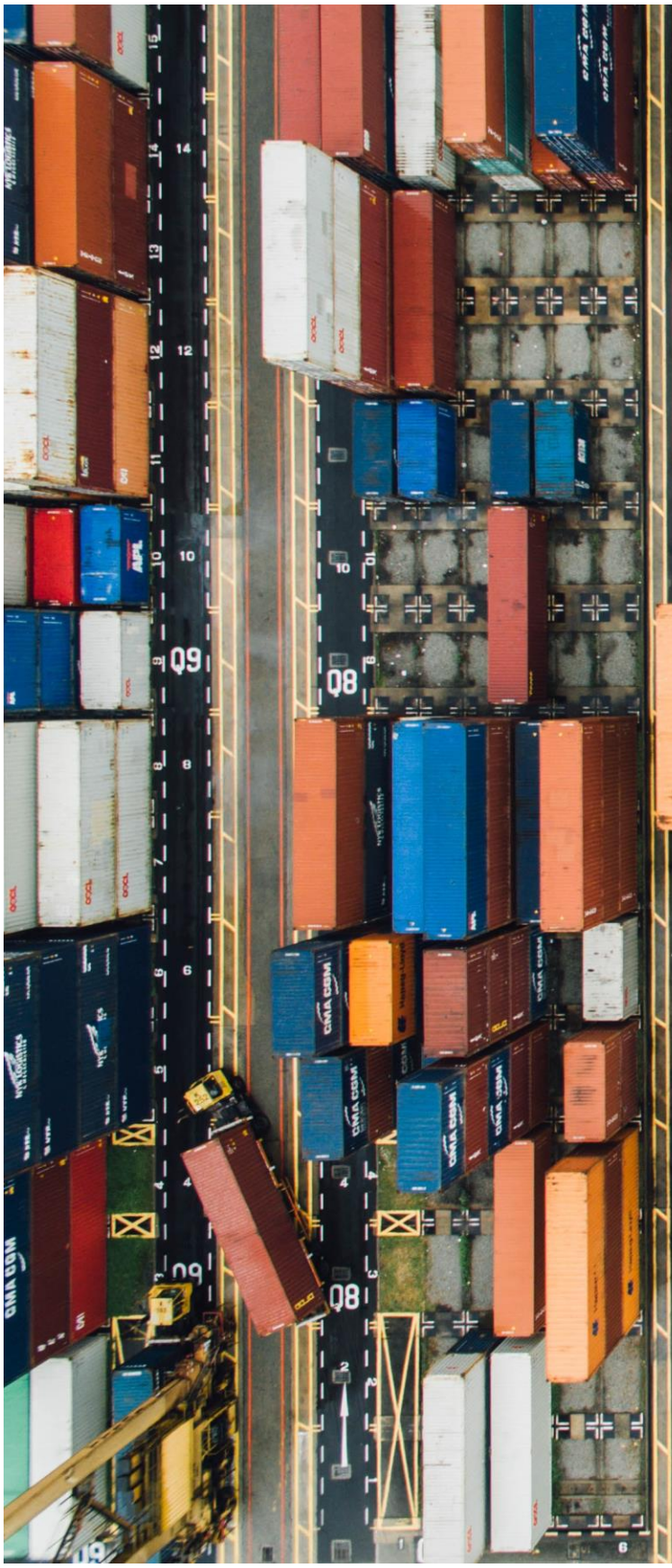


Đây tiếp tục là vấn đề cần được quan tâm trong quá trình nâng cao năng lực cạnh tranh, phát triển công nghiệp hỗ trợ và tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp Việt Nam với khu vực FDI.

Xét theo cơ cấu mặt hàng, nhóm hàng công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục giữ vai trò chủ đạo trong xuất khẩu của Việt Nam, với kim ngạch đạt 452,74 tỷ USD, chiếm 90,7% tổng kim ngạch xuất khẩu. Đáng chú ý, ba nhóm hàng gồm máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện; điện thoại các loại và linh kiện; máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng có tổng kim ngạch xuất nhập khẩu khoảng 532 tỷ USD, tăng 49% so với cùng kỳ năm 2025 và chiếm 52,6% tổng kim ngạch thương mại cả nước. Tuy nhiên, nhóm hàng điện tử, máy tính và linh kiện cũng ghi nhận mức nhập siêu lớn nhất, lên tới 65,84 tỷ USD. Điều này phần nào phản ánh đặc điểm của ngành sản xuất điện tử tại Việt Nam, khi hoạt động xuất khẩu vẫn phụ thuộc đáng kể vào nguồn cung bán dẫn, bo mạch và linh kiện nhập khẩu, trong khi sự tham gia của doanh nghiệp trong nước vào các khâu có giá trị gia tăng cao trong chuỗi cung ứng còn hạn chế.

Bên cạnh linh kiện điện tử, nhập khẩu năng lượng và nguyên liệu đầu vào cũng là yếu tố đáng chú ý trong cơ cấu thương mại. Trong 10 tháng đầu năm 2026, nhiều mặt hàng phục vụ sản xuất ghi nhận mức nhập siêu lớn, gồm xăng dầu (9,06 tỷ USD), chất dẻo (8,78 tỷ USD), than các loại (7,51 tỷ USD), dầu thô (7,26 tỷ USD), sản phẩm hóa chất (5,02 tỷ USD) và hóa chất cơ bản (4,83 tỷ USD). Cơ cấu này cho thấy nhu cầu nhập khẩu đầu vào của nền kinh tế vẫn ở mức cao, không chỉ đối với các ngành công nghiệp công nghệ cao mà còn ở những lĩnh vực sản xuất cơ bản.

Về thị trường, Hoa Kỳ tiếp tục là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam, với kim ngạch 159,40 tỷ USD trong 10 tháng đầu năm, chiếm 31,9% tổng kim ngạch xuất khẩu và mang lại mức xuất siêu 140,10 tỷ USD, tăng 26,2% so với cùng kỳ năm trước. Việt Nam cũng duy trì xuất siêu sang EU (40,84 tỷ USD, tăng 26,8%) và Nhật Bản (3,42 tỷ USD, tăng 110,4%). Ở chiều ngược lại, Trung Quốc tiếp tục là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam, với kim ngạch 212,46 tỷ USD, chiếm 41,6% tổng kim ngạch nhập khẩu; mức nhập siêu từ thị trường này lên tới 134,94 tỷ USD, tăng 43,2%. Việt Nam cũng ghi nhận nhập siêu từ Hàn Quốc (48,63 tỷ USD, tăng 91,1%) và ASEAN (16,93 tỷ USD, tăng 46%). Sự chênh lệch giữa các thị trường xuất khẩu và nhập khẩu lớn phần nào phản ánh cấu trúc chuỗi cung ứng của một số ngành hàng chủ lực, đặc biệt là điện tử. Theo đó, doanh nghiệp tại Việt Nam lĩnh vực này thường nhập khẩu linh kiện và đầu vào từ Trung Quốc, Hàn Quốc... sau đó sản xuất và xuất khẩu thành phẩm sang các thị trường như Hoa Kỳ, EU... Khi quy mô của các doanh nghiệp này ngày càng lớn, xuất siêu sang Hoa Kỳ và nhập siêu từ các thị trường cung ứng cùng tăng mạnh.



Bức tranh đầu tư

Trong lĩnh vực đầu tư, tính đến ngày 31/10/2026, tổng vốn FDI đăng ký vào Việt Nam, bao gồm vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài, đạt 54,85 tỷ USD, tăng 74% so với cùng kỳ năm 2025. Đây cũng là mức cao nhất trong cùng kỳ 10 tháng của giai đoạn 2009–2026. Cùng với sự gia tăng của vốn đăng ký, vốn FDI thực hiện tại Việt Nam trong 10 tháng ước đạt 24,08 tỷ USD, tăng 13,1% so với cùng kỳ năm trước, cho thấy dòng vốn đầu tư không chỉ tăng về quy mô cam kết mà còn tiếp tục được giải ngân vào nền kinh tế.

Cả ba cấu phần của vốn FDI đăng ký đều ghi nhận mức tăng trưởng tích cực. Cụ thể, có 3.478 dự án được cấp phép mới với tổng vốn đăng ký 30,73 tỷ USD, tăng 120% so với cùng kỳ. Vốn đăng ký điều chỉnh đạt 1.079 lượt dự án với 16,13 tỷ USD, tăng 33,2%. Trong khi đó, hoạt động góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài ghi nhận 2.616 lượt giao dịch với tổng giá trị 7,99 tỷ USD, tăng 49,6% so với cùng kỳ năm trước.



Xét theo đối tác đầu tư, có 80 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án được cấp phép mới tại Việt Nam trong 10 tháng đầu năm. Singapore tiếp tục dẫn đầu với 9,52 tỷ USD, chiếm 31% tổng vốn đăng ký cấp mới; tiếp theo là Hàn Quốc với 5,81 tỷ USD (18,9%), Luxembourg với 4,99 tỷ USD (16,2%), Hồng Kông (Trung Quốc) với 3,57 tỷ USD (11,6%), Trung Quốc với 2,77 tỷ USD (9%) và Nhật Bản với 1,58 tỷ USD (5,1%). Đáng chú ý, Singapore, Luxembourg và Hồng Kông (Trung Quốc) chiếm hơn nửa số vốn đăng ký cấp mới. Đây đều là những địa bàn có vai trò trong mạng lưới tài chính và đầu tư quốc tế, do đó, cơ cấu này có thể phần nào phản ánh vai trò của các trung tâm tài chính trong việc luân chuyển và tổ chức dòng vốn đầu tư vào Việt Nam.

Về địa bàn tiếp nhận đầu tư, TP. Hồ Chí Minh dẫn đầu cả nước với tổng vốn FDI đăng ký đạt 20,14 tỷ USD. Tiếp theo là Thái Nguyên với 8,01 tỷ USD, Bắc Ninh với 4,57 tỷ USD, Hà Nội với 4,17 tỷ USD và Hải Phòng với 3,96 tỷ USD. Kết quả này cho thấy sức hút đầu tư tiếp tục tập trung tại các địa phương có vai trò quan trọng trong hệ sinh thái công nghiệp, dịch vụ và các trung tâm kinh tế lớn của cả nước.

TIN VIỆT NAM

Chính thức ký kết Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - EFTA



Sáng 18/10/2026, tại Hà Nội, đại diện Việt Nam và Hiệp hội Mậu dịch tự do châu Âu (EFTA), gồm bốn nước thành viên là Thụy Sĩ, Na Uy, Iceland và Liechtenstein, đã chính thức ký kết Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – EFTA (VEFTA), dưới sự chứng kiến của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm. Đây là kết quả của quá trình đàm phán kéo dài hơn 14 năm, bắt đầu từ năm 2012 và tạm dừng 7 năm. Sau khi được nối lại vào tháng 9/2025, đàm phán kết thúc ngày 2/7/2026, sau tổng cộng 21 phiên.

EFTA là thị trường có quy mô dân số khoảng 15 triệu người nhưng có thu nhập và sức mua cao, với nhiều yêu cầu khắt khe về chất lượng và tính bền vững. Theo số liệu của EFTA, năm 2025, kim ngạch thương mại hai chiều Việt Nam – EFTA đạt khoảng 4,8 tỷ EUR, trong đó Việt Nam xuất siêu khoảng 2,5 tỷ EUR. Các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam sang khu vực này gồm thủy sản, dệt may, giày dép, máy móc, thiết bị điện tử và linh kiện. Chiều ngược lại, Việt Nam nhập khẩu từ khối EFTA chủ yếu máy móc, thiết bị công nghiệp, hóa chất, dược phẩm và nguyên liệu phục vụ sản xuất. Về đầu tư, tính đến cuối năm 2025, Thụy Sĩ có 234 dự án còn hiệu lực tại Việt Nam với tổng vốn đăng ký hơn 2,4 tỷ USD, còn Na Uy có 62 dự án với tổng vốn đăng ký hơn 201 triệu USD. Các dữ liệu cho thấy hai bên có cơ cấu hàng hóa mang tính bổ trợ, đồng thời còn nhiều dư địa để mở rộng trao đổi thương mại và hợp tác đầu tư.

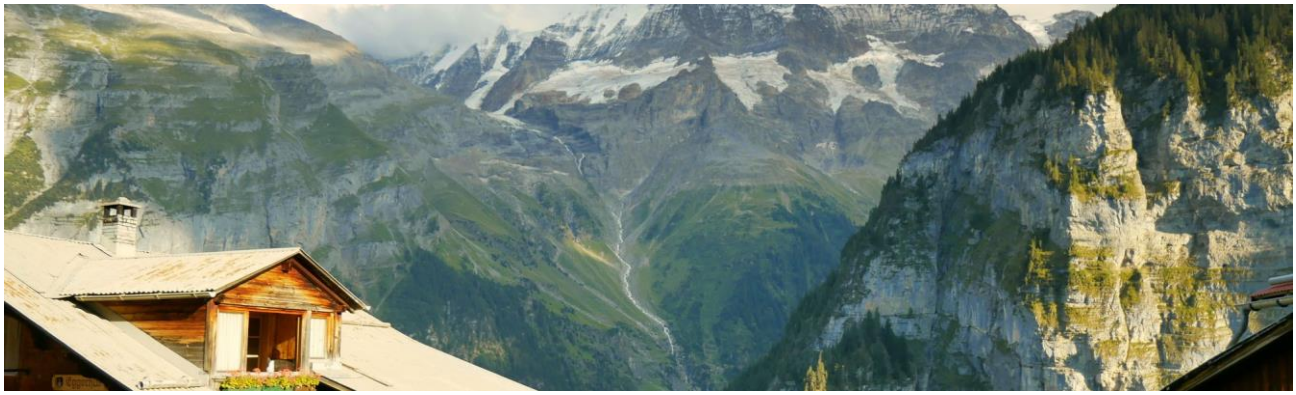
VEFTA có phạm vi cam kết bao trùm, với 14 Chương bao gồm từ các lĩnh vực cơ bản như thương mại hàng hóa, dịch vụ, đầu tư, quy tắc xuất xứ, cho tới các nội dung rộng hơn như phòng vệ thương mại, sở hữu trí tuệ, mua sắm chính phủ, doanh nghiệp nhỏ và vừa, thương mại và phát triển bền vững. Về thuế quan, EFTA cam kết xóa bỏ thuế nhập khẩu ngay khi Hiệp định có hiệu lực đối với hàng công nghiệp và thủy sản của Việt Nam trong phạm vi cam kết ngay khi Hiệp định có hiệu lực; nông sản được mở cửa theo biểu cam kết và quy định riêng cho từng mặt hàng. Ở chiều ngược lại, Việt Nam cam kết xóa bỏ hoặc cắt giảm thuế đối với phần lớn hàng công nghiệp và thủy sản nhập khẩu từ EFTA theo lộ trình. Một số sản phẩm xuất khẩu chủ lực của EFTA như phô mai, cà phê, sô cô la, thực phẩm cho trẻ em và thực phẩm bổ sung cũng được cắt giảm dần về thuế suất 0% tại Việt Nam theo lộ trình tối đa 16 năm.

Một điểm đáng chú ý của Hiệp định là cơ chế cộng gộp xuất xứ mở rộng đối với một số nguyên liệu phi nông nghiệp có xuất xứ ASEAN hoặc Liên minh châu Âu (EU), với điều kiện các đối tác này cũng có hiệp định thương mại ưu đãi tương ứng với khối EFTA. Cơ chế này cho phép doanh nghiệp sử dụng một số nguyên liệu có xuất xứ từ ASEAN hoặc EU để sản xuất hàng hóa xuất khẩu sang EFTA mà vẫn có thể được tính là nguyên liệu có xuất xứ. Qua đó, doanh nghiệp có thêm lựa chọn về nguồn cung, đồng thời mở rộng khả năng kết nối chuỗi sản xuất giữa Việt Nam, ASEAN và châu Âu.

VEFTA được kỳ vọng sẽ tạo thêm động lực thúc đẩy thương mại và đầu tư giữa Việt Nam với các nước EFTA, đồng thời mở rộng khả năng tham gia của doanh nghiệp Việt Nam vào các chuỗi cung ứng khu vực và châu Âu. Tuy nhiên, việc tận dụng hiệu quả các ưu đãi từ Hiệp định sẽ phụ thuộc đáng kể vào khả năng đáp ứng quy tắc xuất xứ, tiêu chuẩn kỹ thuật, yêu cầu về an toàn thực phẩm và phát triển bền vững của doanh nghiệp. Do đó, bên cạnh việc chủ động tìm hiểu các cam kết và lộ trình cắt giảm thuế quan, doanh nghiệp cần sớm rà soát chuỗi cung ứng, điều chỉnh quy trình sản xuất và nâng cao năng lực đáp ứng tiêu chuẩn của thị trường EFTA. Hiệp định hiện vẫn cần hoàn tất các thủ tục phê chuẩn trước khi có hiệu lực, vì vậy việc chuẩn bị từ sớm sẽ giúp doanh nghiệp sẵn sàng khai thác những cơ hội mà VEFTA mang lại khi Hiệp định được triển khai.

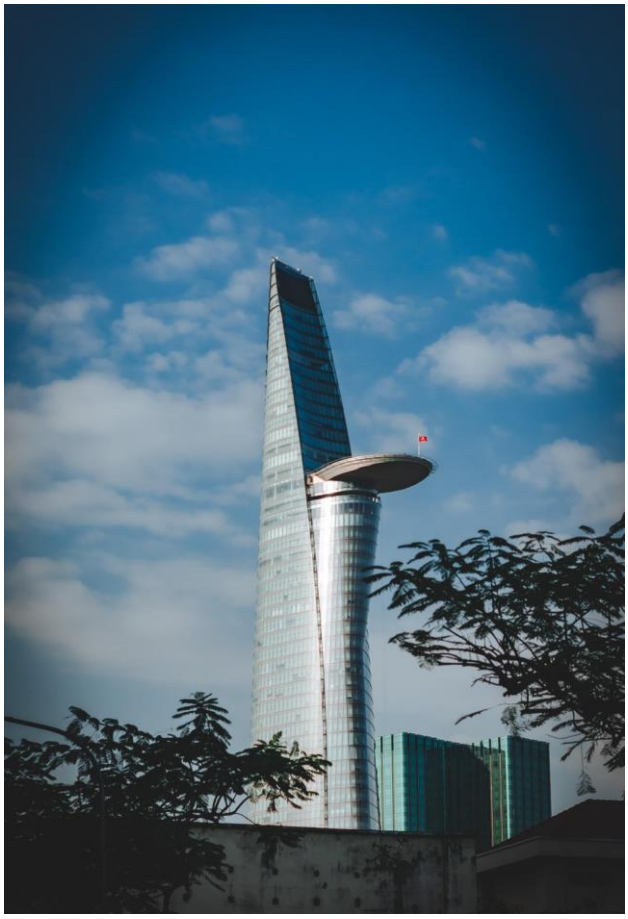
Doanh nghiệp có thể tham khảo Văn kiện và các thông tin mới nhất về Hiệp định VEFTA tại Chuyên mục của Phòng WTO và Hội nhập, Ban Pháp chế - VCCI theo link:

https://trungtamwto.vn/fta/198-viet-nam--efta-vefta/1



TIN VIỆT NAM

IMF: Việt Nam dẫn đầu ASEAN về tăng trưởng năm 2026



Ngày 13/10/2026, Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) công bố Báo cáo Triển vọng Kinh tế Thế giới (World Economic Outlook – WEO) tháng 10/2026, với chủ đề "Khả năng chống chịu dưới sức ép, những lựa chọn cấp bách" (Resilience Under Strain, Urgent Choices). IMF dự báo kinh tế toàn cầu tăng trưởng 3,1% năm 2026 và 3,4% năm 2027, trong khi lạm phát lần lượt ở mức 4,7% và 4,1%. Tuy nhiên, triển vọng giữa các nền kinh tế có sự phân hóa rõ rệt. Nhóm các nền kinh tế phát triển dự kiến tăng 2,1% năm 2026, trong khi nhóm các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển tăng 3,7%. IMF cảnh báo các rủi ro từ khả năng điều chỉnh mạnh của thị trường cổ phiếu liên quan đến trí tuệ nhân tạo (AI), nợ công gia tăng, chi phí vay cao và lợi suất trái phiếu tăng.

Đáng chú ý, IMF nâng dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam lên 8,4% năm 2026 và 7,5% năm 2027, cao hơn lần lượt 1,3 và 0,8 điểm phần trăm so với dự báo tháng 4/2026. Với mức tăng trưởng dự kiến 8,4%, Việt Nam dẫn đầu ASEAN, vượt Malaysia (5,2%), Indonesia (5,1%), Singapore (5,0%), Philippines (3,4%) và Thái Lan (2,1%). Mức dự báo này cũng cao hơn trung bình của châu Á (4,8%) và ASEAN (4,9%).

Theo IMF, việc nâng dự báo tăng trưởng của Việt Nam gắn với sự gia tăng nhu cầu toàn cầu đối với chip bán dẫn, hạ tầng AI và các sản phẩm công nghệ liên quan. Với mức độ tham gia ngày càng sâu vào chuỗi cung ứng điện tử, Việt Nam có khả năng hưởng lợi từ nhu cầu hàng hóa trung gian phục vụ các trung tâm dữ liệu trong khu vực. Phân tích của IMF cho thấy Hàn Quốc và Đài Loan (Trung Quốc) chiếm 62% thương mại ròng phần cứng điện toán liên quan đến AI, trong khi Hoa Kỳ và Trung Quốc chiếm hơn ba phần tư nhu cầu nhập khẩu ròng đối với chip và thiết bị AI. Sự mở rộng đầu tư và thương mại trong lĩnh vực này được đánh giá có thể tạo tác động lan tỏa tích cực tới các trung tâm sản xuất ở Đông Á, trong đó có Việt Nam.

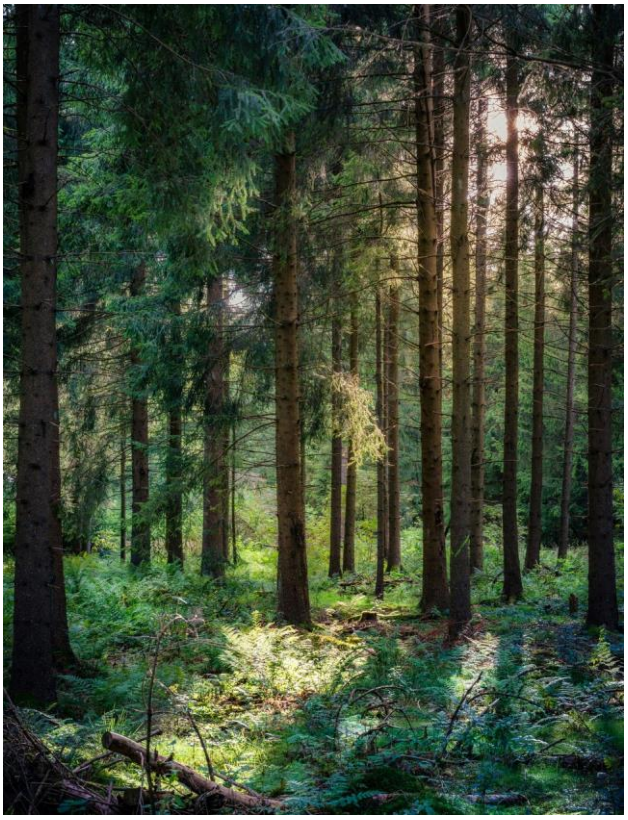
Mặc dù triển vọng tăng trưởng tích cực, IMF lưu ý khu vực châu Á – Thái Bình Dương vẫn đối mặt với nhiều rủi ro, chủ yếu theo chiều hướng tiêu cực, như xung đột tại Trung Đông, khả năng điều chỉnh dòng vốn đầu tư vào AI, lợi suất trái phiếu chính phủ toàn cầu tăng mạnh và hiện tượng El Niño. Trước những thách thức này, IMF khuyến nghị các nền kinh tế trong khu vực ưu tiên ổn định giá cả trong điều hành chính sách tiền tệ; đồng thời, các biện pháp hỗ trợ giá nhiên liệu cần có đối tượng thụ hưởng rõ ràng và thời hạn cụ thể, thay vì áp dụng trợ giá trên diện rộng.

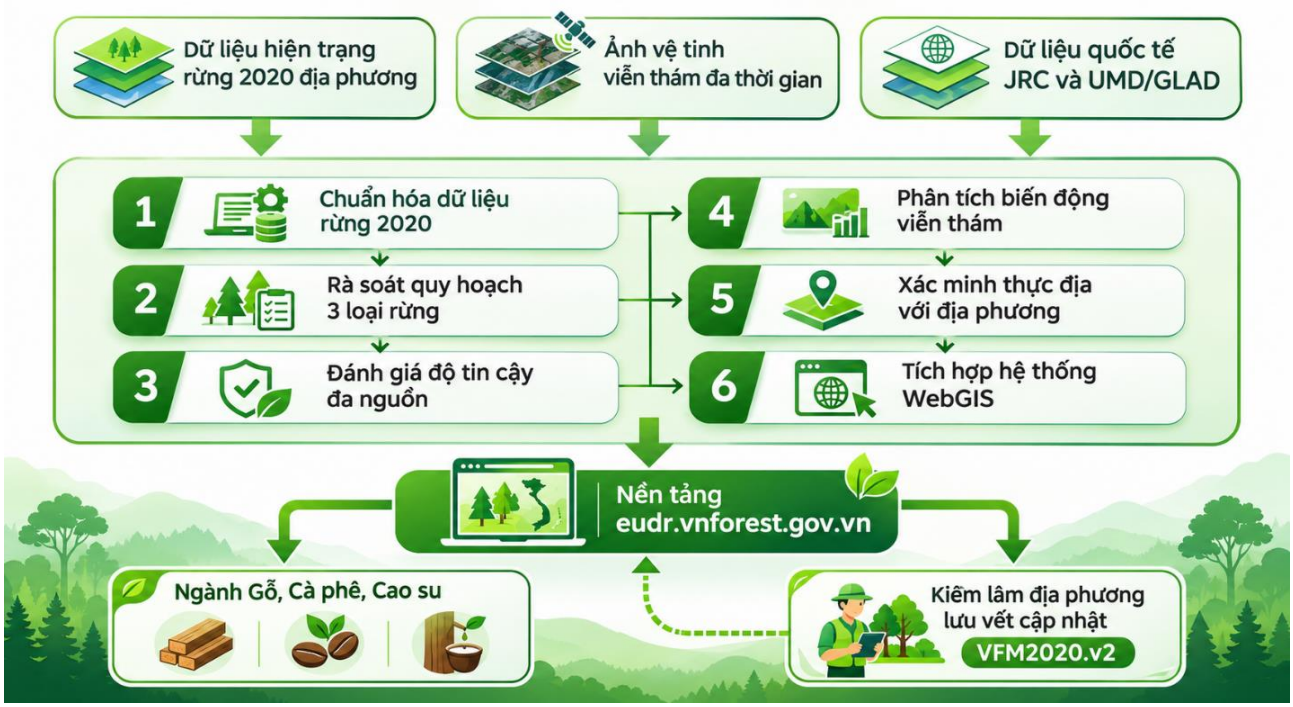
TIN VIỆT NAM

Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm công bố Bản đồ ranh giới rừng năm 2020 phiên bản 1.0 phục vụ tuân thủ EUDR

Ngày 20/10/2026, Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm (Bộ Nông nghiệp và Môi trường) đã tổ chức cuộc họp kỹ thuật chính thức công bố Bản đồ ranh giới rừng năm 2020 phiên bản 1.0 (VFM2020.v1). Bản đồ thể hiện ranh giới rừng tại thời điểm năm 2020, cung cấp thêm công cụ để doanh nghiệp trong các ngành gỗ, cà phê và cao su đối chiếu vị trí vùng sản xuất với hiện trạng rừng, phục vụ việc chứng minh sản phẩm không liên quan đến mất rừng hoặc suy thoái rừng theo Quy định chống mất rừng của Liên minh châu Âu (EU Deforestation Regulation - EUDR). Theo quy định này, các sản phẩm thuộc phạm vi điều chỉnh phải bảo đảm không được sản xuất trên đất có liên quan đến hoạt động mất rừng hoặc suy thoái rừng sau ngày 31/12/2020. EUDR dự kiến được áp dụng từ ngày 30/12/2026 đối với doanh nghiệp lớn và vừa, và từ ngày 30/6/2027 đối với doanh nghiệp siêu nhỏ và nhỏ.

Bản đồ hiện được công khai trên nền tảng WebGIS tại địa chỉ eudr.vnforest.gov.vn



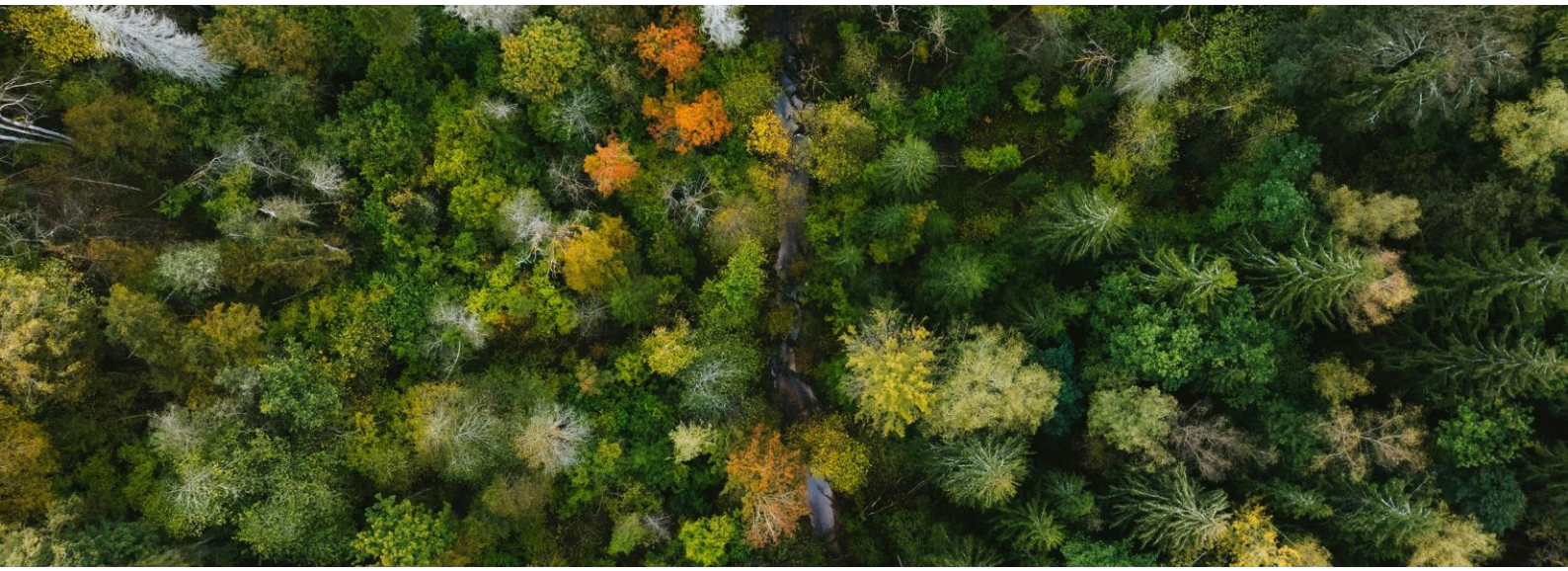


VFM2020.v1 được xây dựng qua 6 bước, bắt đầu từ chuẩn hóa dữ liệu hiện trạng rừng năm 2020 và rà soát bản đồ quy hoạch ba loại rừng; tiếp đó là đánh giá độ tin cậy giữa các nguồn dữ liệu, phân tích biến động rừng bằng ảnh viễn thám, rà soát và xác minh kết quả với địa phương trước khi tích hợp vào cơ sở dữ liệu WebGIS. Các nguồn dữ liệu chính bao gồm số liệu theo dõi diễn biến rừng năm 2020 của địa phương, ảnh vệ tinh, dữ liệu tham chiếu quốc tế và kết quả rà soát tại địa phương. Trong đó, dữ liệu quốc tế chủ yếu được tham khảo từ các phiên bản bản đồ của Trung tâm Nghiên cứu chung (Joint Research Centre - JRC) thuộc Ủy ban châu Âu.

Để thể hiện mức độ chắc chắn của dữ liệu, các khu vực trên bản đồ được phân thành ba mức: (i) Vùng xanh - độ tin cậy cao khi các nguồn dữ liệu thống nhất; (ii) Vùng vàng - độ tin cậy trung bình khi có một số khác biệt nhỏ; và (iii) Vùng đỏ - mức "cần rà soát" khi tồn tại khác biệt đáng kể giữa các nguồn. Những khu vực thuộc nhóm cuối sẽ được chuyển về địa phương để đối chiếu hồ sơ quản lý rừng và tổ chức kiểm tra thực địa khi cần.

Về phạm vi sử dụng, Phó Cục trưởng Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm Nguyễn Văn Diện nhấn mạnh VFM2020.v1 là dữ liệu nền phục vụ tra cứu, kiểm tra và đối chiếu, không phải căn cứ duy nhất để kết luận một sản phẩm có đáp ứng EUDR hay không. Doanh nghiệp vẫn phải thực hiện đầy đủ các yêu cầu của quy định, trong đó bao gồm cung cấp thông tin truy xuất nguồn gốc, dữ liệu địa lý của vùng sản xuất và các tài liệu, bằng chứng liên quan. Phiên bản 1.0 hiện mới là bước khởi đầu. Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm sẽ tiếp tục phối hợp với các viện nghiên cứu, địa phương, hiệp hội và doanh nghiệp để rà soát, cập nhật dữ liệu và hướng dẫn kỹ thuật trong thời gian tới.

Việc công bố VFM2020.v1 tạo thêm cơ sở dữ liệu tham khảo giúp doanh nghiệp chủ động kiểm tra vùng nguyên liệu và nhận diện sớm những khu vực có khả năng phát sinh vướng mắc khi thực hiện EUDR. Khi phát hiện dữ liệu chưa chính xác hoặc có điểm sai khác cần làm rõ, doanh nghiệp có thể gửi phản ánh qua nền tảng WebGIS, kèm theo tọa độ cụ thể, hồ sơ liên quan và các bằng chứng có thể kiểm chứng. Về lâu dài, hiệu quả của bản đồ sẽ phụ thuộc vào quá trình tiếp tục cập nhật, hoàn thiện dữ liệu và sự phối hợp giữa cơ quan quản lý, địa phương và doanh nghiệp, qua đó góp phần nâng cao tính minh bạch của thông tin vùng nguyên liệu và hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam đáp ứng các yêu cầu của EUDR.



TIN VIỆT NAM

Xuất khẩu cà phê 10 tháng đầu năm 2026: tăng lượng nhưng giảm giá trị



Theo Bộ Nông nghiệp và Môi trường, trong 10 tháng năm 2026, Việt Nam xuất khẩu khoảng 1,6 triệu tấn cà phê, tăng 18,7% so với cùng kỳ năm 2025. Tuy nhiên, kim ngạch chỉ đạt 7,09 tỷ USD, giảm 5%, do giá xuất khẩu bình quân giảm gần 20%, xuống còn khoảng 4.528 USD/tấn. Diễn biến này trái ngược với năm 2025, khi giá cao đã đưa kim ngạch xuất khẩu cà phê lên mức kỷ lục khoảng 8 tỷ USD.

Tình trạng tăng trưởng về lượng nhưng suy giảm về giá trị phản ánh mức độ nhạy cảm của ngành cà phê trước biến động giá hàng hóa thế giới. Theo ông Nguyễn Nam Hải, Chủ tịch Hiệp hội Cà phê – Ca cao Việt Nam (VICOFA), nguồn cung toàn cầu đang tăng nhanh hơn nhu cầu tiêu thụ, một phần do giá cao trong những năm trước khuyến khích nông dân tại các nước sản xuất đầu tư chăm sóc, cải thiện năng suất và mở rộng diện tích. Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA) dự báo sản lượng cà phê toàn cầu niên vụ 2026–2027 đạt mức kỷ lục 189,7 triệu bao (loại 60 kg), trong khi tiêu thụ dự kiến đạt 179,7 triệu bao. Brazil và Việt Nam tiếp tục là hai quốc gia sản xuất chủ lực, với sản lượng dự báo lần lượt đạt 71,9 triệu bao và 32,5 triệu bao. Triển vọng nguồn cung dồi dào tạo sức ép lên giá cà phê, nhất là khi Tây Nguyên đang bước vào vụ thu hoạch mới. Theo ông Nguyễn Ngọc Quỳnh, Phó Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam (MXV), diễn biến giá trong thời gian tới sẽ phụ thuộc chủ yếu vào sản lượng thực tế tại Brazil và Việt Nam, tiến độ thu hoạch, lượng tồn kho và khối lượng hàng được đưa ra thị trường.

Xét về cơ cấu sản phẩm, sự phụ thuộc lớn vào cà phê nhân xanh khiến kim ngạch xuất khẩu Việt Nam dễ chịu tác động khi giá nguyên liệu giảm. Trong khi đó, phân khúc cà phê chế biến cho thấy khả năng duy trì tăng trưởng tốt hơn. Theo số liệu được Báo Tiền Phong công bố giữa tháng 10/2026, kim ngạch xuất khẩu cà phê chế biến từ đầu năm đạt hơn 1,1 tỷ USD, tăng 4,3%. Dù chỉ sử dụng khoảng 8–10% lượng nguyên liệu cà phê, nhóm sản phẩm này đóng góp khoảng 17–18% tổng kim ngạch xuất khẩu, trong khi cà phê nhân xanh vẫn chiếm khoảng 90% lượng hàng xuất khẩu. Tuy nhiên, mở rộng chế biến sâu vẫn là thách thức đối với doanh nghiệp trong nước do nhu cầu vốn đầu tư lớn và khó khăn trong tiếp cận thị trường tiêu thụ. Theo ông Lê Đức Huy, Chủ tịch Hội đồng thành viên Simexco Daklak, tăng trưởng ngành cà phê không thể chỉ dựa vào biến động giá mà ngày càng phụ thuộc vào năng lực của doanh nghiệp, đặc biệt là khả năng đáp ứng yêu cầu về chất lượng, truy xuất nguồn gốc và phát triển bền vững. Đây cũng là vấn đề đáng lưu ý khi Liên minh châu Âu (EU) là thị trường xuất khẩu quan trọng của cà phê Việt Nam và Quy định chống phá rừng của EU (EUDR) dự kiến bắt đầu áp dụng từ ngày 30/12/2026 đối với phần lớn doanh nghiệp thuộc diện điều chỉnh. Việc hoàn thiện dữ liệu vùng trồng, truy xuất nguồn gốc và chứng minh tính hợp pháp của sản phẩm sẽ có ý nghĩa quan trọng đối với khả năng duy trì thị phần tại thị trường này.

Nhìn chung, diễn biến xuất khẩu cà phê cho thấy tăng trưởng về sản lượng chưa đồng nghĩa với cải thiện tương ứng về giá trị thu về. Trong bối cảnh nguồn cung toàn cầu gia tăng và yêu cầu từ các thị trường nhập khẩu ngày càng cao, việc nâng chất lượng, phát triển cà phê chế biến, xây dựng thương hiệu và tổ chức chuỗi cung ứng đáp ứng tiêu chuẩn bền vững sẽ có vai trò ngày càng quan trọng đối với năng lực cạnh tranh của cà phê Việt Nam.



TIN VIỆT NAM

Chính thức áp dụng Nghị định 342/2026/NĐ-CP về hoạt động mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài



Ngày 18/10/2026, Nghị định số 342/2026/NĐ-CP ngày 3/9/2026 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam chính thức có hiệu lực, thay thế Nghị định số 09/2018/NĐ-CP. Nghị định quy định cụ thể phạm vi thực hiện quyền xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối hàng hóa và các điều kiện, thủ tục cấp phép đối với một số hoạt động kinh doanh của nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

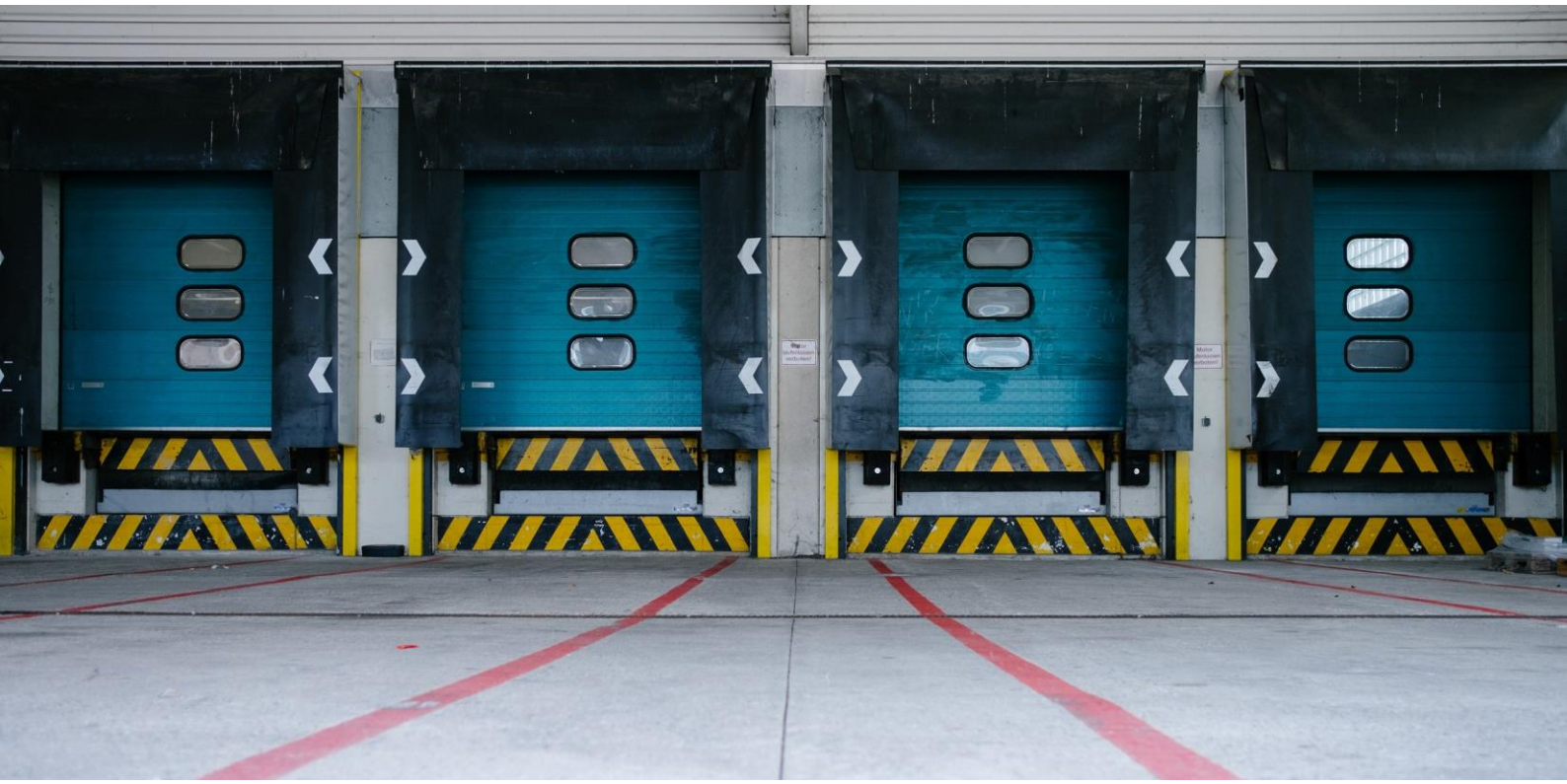
Theo đó, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã được cấp quyền xuất khẩu được phép xuất khẩu hàng hóa mua tại Việt Nam, hàng gia công và hàng nhập khẩu hợp pháp, trừ các mặt hàng thuộc danh mục cấm hoặc tạm ngừng xuất khẩu. Quyền nhập khẩu và quyền phân phối hàng hóa cũng được thực hiện theo các nguyên tắc tương tự. Tuy nhiên, một số hoạt động kinh doanh vẫn phải có Giấy phép kinh doanh do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp, như phân phối bán lẻ; nhập khẩu và phân phối bán buôn một số mặt hàng; một số dịch vụ logistics, xúc tiến thương mại, trung gian thương mại và vận hành nền tảng thương mại điện tử.

Về điều kiện cấp phép, nhà đầu tư đến từ quốc gia hoặc vùng lãnh thổ có điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên và có cam kết mở cửa thị trường phải đáp ứng các điều kiện tiếp cận thị trường theo cam kết tương ứng. Đối với nhà đầu tư không thuộc nhóm này, việc xem xét cấp phép căn cứ vào quy định pháp luật chuyên ngành và mức độ cạnh tranh của doanh nghiệp trong nước trong cùng lĩnh vực. Ngoài ra, doanh nghiệp đã hoạt động từ một năm trở lên phải bảo đảm không còn nợ thuế quá hạn.

Một số trường hợp cấp phép phải lấy ý kiến của Bộ Công an và Bộ Quốc phòng, trong đó có trường hợp nhà đầu tư nước ngoài chi phối nền tảng thương mại điện tử thuộc loại lớn hoặc doanh nghiệp mở rộng chuỗi bán lẻ đạt các ngưỡng quy mô nhất định. Cụ thể, các ngưỡng được đề cập gồm 100 cơ sở bán lẻ có diện tích dưới 500 m², 50 cơ sở có diện tích từ 500 m² đến dưới 3.000 m² hoặc 30 cơ sở có diện tích từ 3.000 m² trở lên.

Bên cạnh các điều kiện về quyền kinh doanh và cấp phép, Nghị định cũng đặt ra nghĩa vụ báo cáo định kỳ đối với doanh nghiệp. Theo đó, doanh nghiệp phải báo cáo tình hình hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa hai lần mỗi năm, trước ngày 15/1 và trước ngày 15/7. Nghị định đồng thời có quy định chuyển tiếp đối với các giấy phép đã được cấp trước ngày 18/10/2026. Các tổ chức liên quan cần rà soát lại phạm vi hoạt động và giấy phép hiện có để bảo đảm tuân thủ các quy định mới kể từ ngày Nghị định có hiệu lực.

Với việc thay thế Nghị định 09/2018/NĐ-CP, Nghị định 342/2026/NĐ-CP đặt ra khuôn khổ mới đối với hoạt động mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. Doanh nghiệp cần chủ động rà soát quyền kinh doanh, điều kiện cấp phép, nghĩa vụ báo cáo và các quy định về ENT có liên quan, đặc biệt khi có kế hoạch mở rộng hoạt động phân phối hoặc chuỗi bán lẻ tại Việt Nam.



TIN VIỆT NAM

Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm thăm chính thức EU và Bỉ; Hạ viện Bỉ bỏ phiếu thông qua EVIPA



Trong khuôn khổ chuyến công du châu Âu từ ngày 19–24/10/2026, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm đã thăm chính thức Liên minh châu Âu (EU) và Vương quốc Bỉ theo lời mời của Chủ tịch Hội đồng châu Âu António Costa và Thủ tướng Bỉ Bart De Wever. Chuyến thăm diễn ra trong bối cảnh quan hệ Việt Nam – EU được nâng cấp lên Đối tác Chiến lược Toàn diện vào tháng 1/2026, tạo thêm động lực thúc đẩy hợp tác kinh tế, thương mại và đầu tư. Trong 10 tháng đầu năm 2026, kim ngạch thương mại hai chiều đạt khoảng 74 tỷ USD, trong đó xuất khẩu của Việt Nam sang EU đạt 57,4 tỷ USD, tăng 23,3% so với cùng kỳ năm trước. Một kết quả đáng chú ý của chuyến thăm là Hạ viện Liên bang Bỉ bỏ phiếu thông qua việc phê chuẩn Hiệp định Bảo hộ đầu tư Việt Nam – EU (EVIPA) trong đêm 22/10/2026.

Tại Brussels, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước đã hội đàm với Chủ tịch Hội đồng châu Âu António Costa và gặp Chủ tịch Ủy ban châu Âu Ursula von der Leyen. Hai bên nhất trí thúc đẩy thực thi đầy đủ Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA), sớm hoàn tất phê chuẩn EVIPA, đồng thời tăng cường hợp tác trong các lĩnh vực đầu tư theo Chiến lược Cửa ngõ toàn cầu (Global Gateway), chuyển đổi năng lượng công bằng (JETP), nguyên liệu thô thiết yếu, khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi xanh. Phía Việt Nam cũng đề nghị EU sớm gỡ bỏ cảnh báo "thẻ vàng" đối với thủy sản khai thác liên quan đến các quy định về chống khai thác bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU).

Tại Bỉ, hai bên nhất trí thúc đẩy các dự án hợp tác chiến lược trong lĩnh vực cảng biển, logistics, năng lượng xanh, khu công nghiệp sinh thái và nông nghiệp công nghệ cao. Hợp tác khoa học - công nghệ cũng được chú trọng, đặc biệt trong công nghệ sinh học, dược phẩm, y tế và bán dẫn. Đáng chú ý, trong chuyến thăm Cảng Antwerp-Bruges, Tổng công ty Hàng hải Việt Nam (VIMC) và Cảng Antwerp-Bruges đã ký thỏa thuận khung hợp tác, tập trung vào phát triển kết nối logistics, cảng xanh, cảng thông minh, chuyển đổi số trong khai thác cảng và vận tải đa phương thức.

Về EVIPA, việc Hạ viện Liên bang Bỉ bỏ phiếu thông qua phê chuẩn Hiệp định ngày 22/10 là một bước tiến trong tiến trình hoàn tất thủ tục phê chuẩn tại EU. Hiệp định được Việt Nam và EU ký ngày 30/6/2019 cùng với EVFTA, sau đó được Quốc hội Việt Nam phê chuẩn ngày 8/6/2020. Khác với EVFTA đã có hiệu lực từ ngày 1/8/2020, EVIPA chỉ có hiệu lực sau khi được tất cả 27 quốc gia thành viên EU phê chuẩn theo quy định trong nước.

Việc thúc đẩy phê chuẩn EVIPA, cùng các thỏa thuận hợp tác trong lĩnh vực cảng biển và logistics, đã tạo thêm cơ sở để mở rộng quan hệ đầu tư và kết nối kinh tế giữa Việt Nam với EU và Bỉ. Đây cũng là những nội dung quan trọng góp phần cụ thể hóa khuôn khổ Đối tác Chiến lược Toàn diện Việt Nam - EU, đồng thời hỗ trợ doanh nghiệp hai bên khai thác tốt hơn các cơ hội từ EVFTA.



TIN VIỆT NAM

Chùm tin về các vụ việc Phòng vệ thương mại liên quan tới hàng hóa xuất nhập khẩu của Việt Nam trong tháng 10/2026

Việt Nam gia hạn thêm 5 năm thuế chống bán phá giá đối với sợi polyester nhập khẩu từ Ấn Độ, Indonesia, Malaysia và Trung Quốc



Ngày 13/10/2026, Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 2652/QĐ-BCT về kết quả rà soát cuối kỳ việc áp dụng biện pháp chống bán phá giá (CBPG) đối với một số sản phẩm sợi dài làm từ polyester có xuất xứ từ Ấn Độ, Indonesia, Malaysia và Trung Quốc (mã vụ việc ER01.AD10). Theo đó, biện pháp CBPG đối với các sản phẩm này được gia hạn thêm 5 năm.

Theo cơ quan điều tra, kết quả rà soát cuối kỳ cho thấy hàng hóa nhập khẩu từ các nước liên quan vẫn có hành vi bán phá giá trong thời kỳ rà soát và có khả năng tiếp tục hoặc tái diễn nếu biện pháp được chấm dứt. Đáng chú ý, lượng nhập khẩu từ các nước bị điều tra có xu hướng gia tăng, đặc biệt là từ Trung Quốc. Trong trường hợp không còn thuế chống bán phá giá, hàng nhập khẩu giá thấp có thể tăng nhanh, gây sức ép về giá đối với sản phẩm trong nước. Bên cạnh đó, một số chỉ số kinh tế của ngành sản xuất nội địa vẫn diễn biến bất lợi, trong khi nguy cơ chuyển hướng thương mại sang Việt Nam cũng được đặt ra do một số thị trường nước thứ ba đang áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại đối với sản phẩm tương tự.

Trên cơ sở đó, cơ quan điều tra kết luận việc chấm dứt biện pháp có thể dẫn đến tình trạng bán phá giá tiếp diễn hoặc tái diễn, gây thiệt hại cho ngành sản xuất trong nước. Quyết định gia hạn được ban hành sau khi dự thảo kết luận rà soát cuối kỳ đã được gửi tới các bên liên quan để lấy ý kiến.

Hoa Kỳ chấm dứt rà soát hành chính lần thứ nhất thuế chống bán phá giá và chống trợ cấp đối với đĩa giấy nhập khẩu từ Việt Nam

Ngày 28/10/2026, Bộ Thương mại Hoa Kỳ (DOC) thông báo chấm dứt rà soát hành chính lần thứ nhất đối với thuế chống bán phá giá và thuế chống trợ cấp áp dụng với sản phẩm đĩa giấy nhập khẩu từ Việt Nam. Trước đó, đầu tháng 8/2026, nguyên đơn là Liên minh Đĩa giấy Hoa Kỳ đã rút toàn bộ yêu cầu rà soát đối với cả hai biện pháp thuế. Do đây là bên duy nhất đề nghị rà soát, DOC quyết định chấm dứt quá trình xem xét.

Đáng chú ý, việc chấm dứt rà soát không đồng nghĩa với việc các biện pháp thuế hiện hành được bãi bỏ. Các mức thuế từ vụ việc điều tra ban đầu đối với sản phẩm đĩa giấy nhập khẩu từ Việt Nam tiếp tục được duy trì.

Cụ thể, đối với thuế chống trợ cấp, mức thuế áp dụng là 5,53% đối với các doanh nghiệp hợp tác được tính mức thuế riêng và các doanh nghiệp khác; trong khi doanh nghiệp không hợp tác chịu mức thuế 225,9%. Đối với thuế chống bán phá giá, doanh nghiệp hợp tác được tính mức thuế riêng chịu mức 30,42%, tương đương 24,89% sau khi bù trừ thuế chống trợ cấp xuất khẩu; các doanh nghiệp khác chịu mức thuế 165,27%.



Vương quốc Anh công bố kết luận sơ bộ điều tra tự vệ đối với sản phẩm nhựa PET nhập khẩu

Ngày 23/10/2026, Cơ quan Phòng vệ thương mại Vương quốc Anh (TRA) đã công bố kết luận sơ bộ trong vụ việc điều tra tự vệ đối với sản phẩm nhựa polyethylene terephthalate (PET) nhập khẩu. Sản phẩm thuộc phạm vi điều tra gồm PET nguyên sinh (vPET) và PET tái chế (rPET) có chỉ số độ nhớt từ 74 ml/g trở lên, thuộc các mã hàng hóa 3907 6100 và 3907 6900. Theo kết luận sơ bộ, TRA xác định hàng nhập khẩu gia tăng đã gây thiệt hại nghiêm trọng cho ngành sản xuất trong nước và đề xuất áp dụng biện pháp tự vệ tạm thời dưới hình thức hạn ngạch thuế quan (TRQ) từ ngày 1/12/2026.

Tổng hạn ngạch đề xuất cho giai đoạn từ ngày 1/12/2026 đến ngày 31/5/2027 là 192.963,17 tấn, trong đó Việt Nam được phân bổ 3,1%. Cụ thể, hạn ngạch dành cho Việt Nam là 1.475,27 tấn trong giai đoạn 1 (1/12/2026–28/2/2027) và 1.508,06 tấn trong giai đoạn 2 (1/3/2027–31/5/2027). Lượng hàng nhập khẩu vượt hạn ngạch dự kiến sẽ phải chịu thuế tự vệ bổ sung 65%. Đáng chú ý, Việt Nam không được TRA xác định đủ điều kiện miễn trừ biện pháp tự vệ dành cho các nước đang phát triển theo Điều 9.1 Hiệp định Tự vệ của WTO do thị phần nhập khẩu vượt ngưỡng 3%.

Biện pháp hạn ngạch tạm thời này sẽ kéo dài tối đa 200 ngày (tính từ ngày tiếp theo sau ngày đăng Thông báo) hoặc dừng lại khi biện pháp chính thức được thực thi, tùy điều kiện nào đến trước.

Hoa Kỳ công bố kết luận sơ bộ rà soát hành chính thuế chống bán phá giá đối với túi giấy mua sắm nhập khẩu từ Việt Nam

Ngày 14/10/2026, Bộ Thương mại Hoa Kỳ (DOC) đã công bố kết luận sơ bộ rà soát hành chính lần thứ nhất lệnh áp thuế chống bán phá giá đối với sản phẩm túi giấy mua sắm (paper shopping bags) nhập khẩu từ Việt Nam. Giai đoạn rà soát được xác định từ ngày 3/1/2024 đến ngày 30/6/2025.

Vụ việc được khởi xướng ngày 22/8/2025, theo đó có 5 doanh nghiệp Việt Nam đề nghị rà soát. Tuy nhiên, 4 doanh nghiệp đã rút yêu cầu trong thời hạn quy định nên DOC chấm dứt rà soát đối với các doanh nghiệp này; kết quả sơ bộ chỉ áp dụng đối với doanh nghiệp còn lại được lựa chọn làm bị đơn bắt buộc duy nhất.

Theo kết luận sơ bộ, biên độ bán phá giá đối với doanh nghiệp bị đơn duy nhất là 28,52%. Trong khi đó, mức thuế áp dụng đối với các doanh nghiệp Việt Nam chưa có mức thuế riêng (Vietnam-wide entity) được xác định ở mức 92,34%. Đối với các nhà xuất khẩu đã có mức thuế riêng từ các giai đoạn trước, mức thuế hiện hành 36,51% tiếp tục được duy trì.

Đây là kết quả sơ bộ; DOC dự kiến ban hành kết luận cuối cùng vào khoảng ngày 11/2/2027 và có thể gia hạn thời hạn này.

EU đề xuất mức thuế chống bán phá giá tạm thời đối với ống đồng nhập khẩu từ Việt Nam

Ngày 14/10/2026, Ủy ban châu Âu (EC) ban hành thông báo về mức thuế chống bán phá giá tạm thời đề xuất đối với sản phẩm ống và ống dẫn bằng đồng dạng cuộn nhập khẩu từ Trung Quốc, Mexico, Uzbekistan và Việt Nam. Vụ việc được EC khởi xướng điều tra từ ngày 12/3/2026. Sản phẩm bị điều tra là ống và ống dẫn bằng đồng tinh luyện dạng cuộn, có thể có bề mặt nhẵn hoặc có rãnh bên trong, chưa qua gia công thêm; hiện được phân loại theo mã CN ex 7411 10 90 (mã TARIC 7411 10 90 10).

Theo cơ quan điều tra, mức thuế chống bán phá giá tạm thời đề xuất đối với các doanh nghiệp Việt Nam dao động từ 12,4% đến 14,4%. Mức thuế này hiện được áp dụng nguyên tắc thuế suất thấp hơn giữa biên độ bán phá giá và thiệt hại (lesser duty rule). Đối với các doanh nghiệp xuất khẩu được tính biên độ riêng, EC sẽ cung cấp thông tin chi tiết về cách tính mức thuế chống bán phá giá tạm thời tương ứng.

Các doanh nghiệp cần kiểm tra kỹ tên doanh nghiệp bằng tiếng Anh trong tài liệu của EC và thông báo ngay cho EC nếu phát hiện sai sót. Cần lưu ý, đây mới là mức thuế tạm thời đề xuất nhằm cung cấp thông tin, chưa phải mức thuế chính thức được áp dụng.



Philippines khởi xướng điều tra tự vệ đối với thịt lợn nhập khẩu

Ngày 9/10/2026, Bộ Nông nghiệp Philippines (DA) đã khởi xướng điều tra áp dụng biện pháp tự vệ đối với một số sản phẩm thịt lợn nhập khẩu, trong đó có thể liên quan đến hàng xuất khẩu của Việt Nam.

Sản phẩm bị điều tra gồm thịt lợn tươi, ướp lạnh hoặc đông lạnh, một số phụ phẩm ăn được và mỡ lợn, thuộc các mã HS tương ứng là 0203.11, 0203.12, 0203.19, 0203.21, 0203.22, 0203.29, 0206.30, 0206.41, 0206.49, and 0209.10. Thông báo khởi xướng được Philippines công bố ngày 15/10/2026 và gửi tới Ủy ban Tự vệ của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) ngày 21/10/2026. Giai đoạn điều tra được xác định từ năm 2021 đến hết tháng 8/2026.

Theo DA, vụ việc được tiến hành trên cơ sở các dấu hiệu ban đầu cho thấy nhập khẩu gia tăng có thể gây thiệt hại nghiêm trọng hoặc đe dọa gây thiệt hại nghiêm trọng cho ngành chăn nuôi lợn trong nước. Các yếu tố được xem xét bao gồm giá bán tại trang trại và thu nhập của người chăn nuôi giảm, thị phần và mức độ tự cung tự cấp suy giảm, trong khi tỷ lệ thâm nhập của hàng nhập khẩu và lượng tồn kho thương mại tăng. Tuy nhiên, việc khởi xướng điều tra chưa đồng nghĩa với kết luận có thiệt hại hoặc quyết định áp dụng biện pháp tự vệ. Theo thông báo, DA dự kiến hoàn thành điều tra sơ bộ trong thời hạn không quá 30 ngày kể từ ngày công bố thông báo.



Canada tiếp tục duy trì biện pháp chống bán phá giá đối với ống thép dẫn dầu nhập khẩu từ Việt Nam

Ngày 7/10/2026, Tòa án Thương mại quốc tế Canada (CITT) ban hành kết luận rà soát cuối kỳ (vụ việc RR-2025-006) đối với biện pháp chống bán phá giá áp dụng với sản phẩm ống thép dẫn dầu (OCTG) nhập khẩu từ một số quốc gia, trong đó có Việt Nam. Theo kết luận, CITT quyết định tiếp tục duy trì biện pháp chống bán phá giá đối với OCTG có xuất xứ hoặc được xuất khẩu từ Việt Nam, Ấn Độ, Indonesia, Hàn Quốc, Thái Lan, Thổ Nhĩ Kỳ và một số vùng lãnh thổ thuộc Đài Loan. Riêng sản phẩm có xuất xứ hoặc được xuất khẩu từ Ukraine được chấm dứt áp dụng biện pháp.

Sản phẩm thuộc phạm vi điều tra gồm ống chống (casing), ống khai thác (tubing) và ống thô (green tubes) bằng thép các-bon hoặc thép hợp kim, hàn hoặc không hàn (đúc), đã hoặc chưa qua xử lý nhiệt, không phân biệt cách hoàn thiện đầu ống, có đường kính ngoài từ 2 3/8 inch đến 13 3/8 inch (60,3 mm đến 339,7 mm), đáp ứng hoặc được cung cấp để đáp ứng tiêu chuẩn 5CT của Viện Dầu khí Hoa Kỳ (American Petroleum Institute – API) hoặc tiêu chuẩn tương đương và/hoặc tiêu chuẩn riêng nâng cao, ở mọi cấp độ. Sản phẩm không bao gồm ống khoan, ống nối ngắn (pup joints), khớp nối, phôi khớp nối và ống chống, ống khai thác hoặc ống thô bằng thép không gỉ có hàm lượng crôm từ 10,5% trở lên tính theo trọng lượng.

Với kết luận này, biện pháp chống bán phá giá của Canada đối với sản phẩm OCTG của Việt Nam tiếp tục được duy trì.



TIN QUỐC TẾ

Trung Quốc sửa đổi quy định đăng ký nhà xuất khẩu, nhập khẩu thực phẩm



Ngày 23/10/2026, Tổng cục Hải quan Trung Quốc (GACC) đã ban hành Thông báo số 150 năm 2026, công bố bản sửa đổi Quy định về quản lý đăng ký đối với nhà xuất khẩu, nhập khẩu thực phẩm. Quy định có hiệu lực ngay từ ngày ban hành, thay thế quy định cùng tên được ban hành kèm theo Thông báo số 55 năm 2012 của Tổng cục Giám sát Chất lượng, Kiểm nghiệm và Kiểm dịch quốc gia Trung Quốc. Theo GACC, việc sửa đổi nhằm tăng cường truy xuất nguồn gốc thực phẩm nhập khẩu, cải thiện chất lượng dịch vụ công và môi trường kinh doanh. Trước đó, dự thảo quy định đã được đưa ra lấy ý kiến đến hết ngày 30/4/2026.

Quy định mới áp dụng đối với nhà xuất khẩu hoặc đại lý nước ngoài xuất khẩu thực phẩm sang Trung Quốc và nhà nhập khẩu thực phẩm tại Trung Quốc. Phụ gia thực phẩm và các sản phẩm liên quan đến thực phẩm tiếp tục được điều chỉnh theo quy định riêng. Theo đó, nhà xuất khẩu hoặc đại lý nước ngoài phải nộp hồ sơ đăng ký trực tiếp cho GACC, kèm bảng thông tin theo mẫu và chịu trách nhiệm về tính chính xác, xác thực của thông tin cung cấp. Sau khi hồ sơ được chấp thuận, doanh nghiệp được cấp mã số đăng ký, công khai trên Nền tảng công khai thông tin tín dụng xuất nhập khẩu doanh nghiệp của Hải quan Trung Quốc. Đối với nhà nhập khẩu tại Trung Quốc, doanh nghiệp phải có tư cách pháp lý phù hợp, đã đăng ký hoạt động xuất nhập khẩu với cơ quan hải quan và nộp hồ sơ tại cơ quan hải quan nơi đặt trụ sở. Các thủ tục đăng ký, thay đổi và hủy đăng ký được thực hiện trực tuyến thông qua Cơ chế một cửa thương mại quốc tế hoặc hệ thống dịch vụ hành chính của GACC.

So với quy định năm 2012, bản sửa đổi tập trung vào bốn nội dung chính: tối ưu hóa thủ tục đăng ký, thống nhất danh mục thực phẩm, rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ và tăng cường giám sát. Cụ thể, danh mục loại thực phẩm kinh doanh được điều chỉnh theo hướng thống nhất giữa nhà nhập khẩu, nhà xuất khẩu hoặc đại lý nước ngoài và cơ sở sản xuất thực phẩm nước ngoài. Thời hạn hải quan xử lý hồ sơ của nhà nhập khẩu được rút từ 5 xuống 3 ngày làm việc; còn hồ sơ của nhà xuất khẩu, đại lý nước ngoài lần đầu được quy định rõ thời hạn 3 ngày làm việc. Doanh nghiệp phải thực hiện thủ tục điều chỉnh trong vòng 60 ngày kể từ khi có thay đổi về thông tin đăng ký. Khi khai báo nhập khẩu, doanh nghiệp phải kê khai chính xác tên và mã số đăng ký của nhà xuất khẩu, nhà nhập khẩu hoặc đại lý nước ngoài để cơ quan hải quan đối chiếu. Trường hợp thông tin đăng ký không khớp với thực tế, doanh nghiệp phải thực hiện cải chính trong thời gian quy định.

Theo Tham tán Nông nghiệp Việt Nam tại Trung Quốc, Thông báo số 150 liên quan trực tiếp đến hoạt động đăng ký của các doanh nghiệp xuất khẩu thực phẩm Việt Nam sang Trung Quốc. Văn bản này khác với Lệnh số 280 của GACC về đăng ký cơ sở sản xuất thực phẩm nước ngoài, có hiệu lực từ ngày 1/6/2026. Lệnh số 280 áp dụng cho cơ sở sản xuất, chế biến và kho bảo quản thực phẩm, còn Thông báo số 150 áp dụng cho nhà xuất khẩu hoặc đại lý nước ngoài và nhà nhập khẩu tại Trung Quốc. Doanh nghiệp Việt Nam xuất khẩu thực phẩm sang Trung Quốc cần tìm hiểu kỹ quy định này để kịp thời triển khai tuân thủ, qua đó bảo đảm hoạt động xuất khẩu được duy trì thông suốt và hạn chế rủi ro phát sinh trong quá trình thông quan.



TIN QUỐC TẾ

FTA Ấn Độ - New Zealand chính thức có hiệu lực



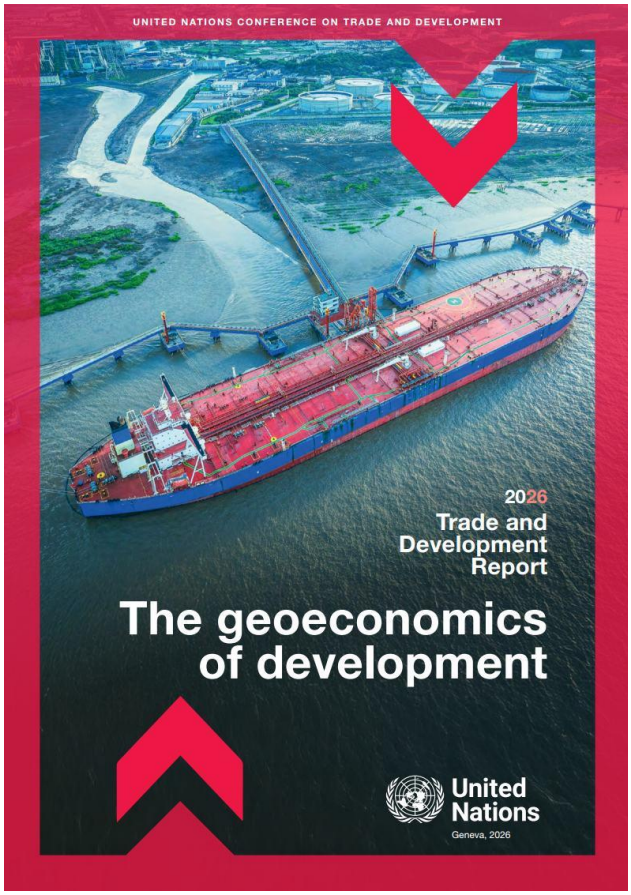
Ngày 20/10/2026, Hiệp định Thương mại tự do (FTA) Ấn Độ - New Zealand đã chính thức có hiệu lực, sau khi được ký kết ngày 27/4/2026 tại New Delhi. Đây là dấu mốc quan trọng trong nỗ lực thúc đẩy quan hệ kinh tế, thương mại song phương, đồng thời mở ra cơ hội tiếp cận thị trường rộng hơn cho doanh nghiệp hai nước. Trong bối cảnh thương mại hàng hóa và dịch vụ giữa Ấn Độ và New Zealand năm 2025 gần 4 tỷ NZD, hai bên đặt mục tiêu nâng kim ngạch lên 7 tỷ NZD vào năm 2030.

Về hàng hóa, New Zealand cam kết xóa bỏ thuế quan đối với toàn bộ dòng thuế dành cho hàng hóa Ấn Độ. Ở chiều ngược lại, Ấn Độ sẽ tự do hóa 70,03% số dòng thuế, tương ứng khoảng 95% giá trị xuất khẩu của New Zealand sang thị trường này. Trong đó, Ấn Độ miễn thuế với khoảng 57% giá trị hàng xuất khẩu của New Zealand ngay khi Hiệp định có hiệu lực. 29,97% số dòng thuế còn lại không nằm trong cam kết, chủ yếu gồm sản phẩm sữa, phần lớn sản phẩm động vật (trừ thịt cừu), một số nông sản, đường, đá quý, trang sức và sản phẩm đồng, nhôm. Ngoài thương mại hàng hóa, hai bên cũng có thêm các cam kết về thương mại dịch vụ, đầu tư, sở hữu trí tuệ, và đơn giản hóa thủ tục hải quan. Hiệp định đồng thời cho phép nhà xuất khẩu đủ điều kiện tự chứng nhận xuất xứ.

FTA Ấn Độ – New Zealand có hiệu lực đánh dấu bước tiến mới trong chiến lược mở rộng mạng lưới FTA của Ấn Độ. Đây là FTA thứ bảy của Ấn Độ có hiệu lực trong 5 năm qua, sau các hiệp định với UAE, Mauritius, Australia, Vương quốc Anh, Oman và Khối Thương mại tự do châu Âu (EFTA). Với cơ cấu xuất khẩu có nhiều mặt hàng và thế mạnh tương đồng với Việt Nam, Ấn Độ đang trở thành đối thủ cạnh tranh đáng chú ý tại các thị trường mà hai nước cùng có quan hệ thương mại ưu đãi. Diễn biến này có thể tạo thêm sức ép đối với hàng xuất khẩu Việt Nam, đặc biệt trong các ngành dệt may và da giày, khi hàng hóa Ấn Độ được hưởng lợi từ các ưu đãi thuế quan mới và có thêm điều kiện mở rộng thị phần tại những thị trường xuất khẩu chung.

TIN QUỐC TẾ

UNCTAD công bố Báo cáo Thương mại và Phát triển 2026



Ngày 9/10/2026, tại Geneva (Thụy Sĩ), Cơ quan Thương mại và Phát triển Liên hợp quốc (UNCTAD) công bố Báo cáo Thương mại và Phát triển 2026 với chủ đề "Địa kinh tế của phát triển" (The Geoeconomics of Development). Báo cáo nhận định kinh tế toàn cầu đang chuyển từ mô hình toàn cầu hóa chủ yếu dựa trên hiệu quả thị trường và tối ưu hóa chi phí sang một trật tự ngày càng chịu chi phối bởi các tính toán địa kinh tế. Theo đó, chính sách thương mại, đầu tư và công nghệ ngày càng gắn với mục tiêu an ninh kinh tế và lợi thế chiến lược của các quốc gia.

Trong bối cảnh này, kinh tế toàn cầu được dự báo tăng trưởng 2,6% năm 2026, giảm so với mức 2,9% năm 2025, trước khi nhích lên 2,7% vào năm 2027. Tăng trưởng của nhóm các nền kinh tế đang phát triển cũng giảm từ 4,7% năm 2025 xuống 4% năm 2026. Về thương mại, tổng kim ngạch hàng hóa và dịch vụ toàn cầu đạt mức kỷ lục 35.000 tỷ USD năm 2025, tăng 4,4% theo giá cố định; năm 2026 dự kiến tiếp tục tăng khoảng 4%. Tuy nhiên, UNCTAD lưu ý thương mại toàn cầu đang trải qua quá trình tái cấu trúc và phân mảnh có chọn lọc, trong đó các hành lang sản xuất và quan hệ thương mại ngày càng phụ thuộc vào mức độ tương thích địa kinh tế. Cú sốc năng lượng từ xung đột Trung Đông cũng làm gia tăng áp lực giá cả, với giá dầu Brent tăng từ khoảng 70 USD lên hơn 110 USD/thùng chỉ trong vài tuần.

Một xu hướng nổi bật khác là sự gia tăng vai trò của các ngành công nghệ chiến lược, đặc biệt là trí tuệ nhân tạo (AI), trong thương mại và đầu tư toàn cầu. Các sản phẩm liên quan đến AI như chip, máy chủ và thiết bị phục vụ trung tâm dữ liệu chiếm khoảng 1/6 giá trị thương mại hàng hóa toàn cầu năm 2025, đồng thời đóng góp 42% mức tăng trưởng thương mại hàng hóa. Tuy nhiên, lợi ích từ xu hướng này phân bổ không đồng đều: các nền kinh tế phát triển chiếm khoảng 70% vốn đầu tư vào các dự án mới trong những lĩnh vực chiến lược như bán dẫn, AI và công nghệ sạch. Trong khi đó, các nước đang phát triển dù thu hút được đầu tư vào khoáng sản chiến lược vẫn gặp khó khăn trong việc nâng cao giá trị gia tăng.

Trước những thách thức trên, UNCTAD khuyến nghị các quốc gia tập trung tháo gỡ trực tiếp các điểm nghẽn về nguồn cung để ứng phó với lạm phát, thay vì chủ yếu dựa vào thắt chặt tiền tệ và tài khóa. Báo cáo đồng thời nhấn mạnh vai trò của năng lượng tái tạo trong bảo đảm an ninh năng lượng, cũng như sự cần thiết phải gắn thu hút FDI với phát triển nhà cung cấp trong nước, chuyển giao công nghệ và tăng cường hợp tác khu vực.

Đối với Việt Nam, UNCTAD dự báo GDP tăng trưởng 7,8% trong năm 2026, thuộc nhóm các nền kinh tế tăng trưởng nhanh tại châu Á. Việt Nam cũng là một trong những thị trường có doanh số xe điện tăng nhanh, qua đó góp phần nâng cao khả năng chống chịu trước các cú sốc giá nhiên liệu. Những chuyển dịch trong thương mại và đầu tư toàn cầu đặt Việt Nam trước cả cơ hội và thách thức trong việc tận dụng dòng vốn đầu tư, nâng cao năng lực sản xuất trong nước và tham gia sâu hơn vào các khâu có giá trị gia tăng cao trong chuỗi giá trị toàn cầu.



TIN QUỐC TẾ

Hoa Kỳ kết luận điều tra Mục 232 đối với tua bin điện gió nhập khẩu



Ngày 22/10/2026, Tổng thống Hoa Kỳ Donald Trump ký Tuyên bố về điều chỉnh nhập khẩu tua bin điện gió và các bộ phận, linh kiện vào Hoa Kỳ, khép lại cuộc điều tra theo Mục 232 Đạo luật Mở rộng Thương mại năm 1962 do Bộ Thương mại Hoa Kỳ (DOC) khởi xướng ngày 13/8/2025. Tổng thống đồng ý với kết luận của DOC rằng tua bin điện gió nhập khẩu đang vào Hoa Kỳ trong điều kiện đe dọa an ninh quốc gia. Tuy nhiên, thay vì áp thuế mới, chính quyền Hoa Kỳ lựa chọn biện pháp đàm phán với các đối tác thương mại. Theo Diễn đàn Hành động Hoa Kỳ (American Action Forum), năm 2024, Hoa Kỳ nhập khẩu khoảng 1,8 tỷ USD tua bin điện gió và các bộ phận, linh kiện, chủ yếu từ Mexico, Pháp, Ấn Độ, Đan Mạch và Đức.

Theo Tuyên bố, Bộ trưởng Thương mại và Đại diện Thương mại Hoa Kỳ (USTR) được giao tiến hành hoặc tiếp tục đàm phán với các đối tác thương mại liên quan, đồng thời báo cáo Tổng thống về kết quả trong vòng 180 ngày. Căn cứ tiến triển và kết quả đàm phán, Tổng thống có thể xem xét áp dụng các biện pháp bổ sung theo Mục 232, trong đó có thuế quan. Trong thời gian này, DOC tiếp tục giám sát tình hình nhập khẩu và kiến nghị biện pháp xử lý nếu cần thiết. Đáng chú ý, nhiều bộ phận của tua bin điện gió đã thuộc diện chịu thuế 50% tính trên hàm lượng thép và nhôm kể từ tháng 8/2025.

Đối với Việt Nam, mặt hàng cần lưu ý là tháp gió - bộ phận dạng trụ thép có chức năng nâng đỡ tua bin điện gió. Việt Nam không phải là nguồn cung tua bin điện gió hoàn chỉnh chủ yếu của Hoa Kỳ, nhưng có xuất khẩu tháp gió sang thị trường này. Hiện tháp gió Việt Nam đang chịu thuế chống bán phá giá và thuế chống trợ cấp tại Hoa Kỳ. Trước mắt, Tuyên bố ngày 22/10 chưa làm phát sinh thuế mới. Tuy nhiên, nếu Hoa Kỳ quyết định áp thuế theo Mục 232 sau quá trình đàm phán và phạm vi áp dụng bao gồm tháp gió, sản phẩm của Việt Nam có thể phải chịu thêm một lớp thuế bên cạnh các biện pháp phòng vệ thương mại hiện hành. Doanh nghiệp sản xuất tháp gió và kết cấu thép phục vụ ngành điện gió xuất khẩu sang Hoa Kỳ cần theo dõi sát diễn biến trong thời gian tới, nhất là trong bối cảnh Việt Nam và Hoa Kỳ đang đàm phán hiệp định thương mại đối ứng.

PHÒNG WTO VÀ HỘI NHẬP, BAN PHÁP CHẾ
LIÊN ĐOÀN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM (VCCI)

Số 9 Đào Duy Anh, Kim Liên, Hà Nội
Tel: +84-24-35771458/ +84-24-32216234
Email: banthuky@trungtamwto.vn
Website: www.trungtamwto.vn /www.chongbanphagia.vn /www.aecvcci.vn